

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11-3-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Dũng

Ông Đỗ Thành Tiết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 370/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2010 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Tuyết L, sinh năm 1988 (có mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1987 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2020 và các lời khai của nguyên đơn là chị Trương Thị Tuyết L trình bày như sau: Chị L và anh S chung sống với nhau vào năm 2016, có Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian chung sống với anh S có một người con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019, hiện tại cháu Đ đang sống chung với anh S. Sau khi cưới nhau anh chị sống cùng gia đình cha mẹ chồng được khoảng 04 tháng thì hai vợ chồng đi làm thuê ở thành phố; đi làm được một thời gian thì chị mang thai, gần đến ngày sinh con hai vợ chồng nghỉ làm về bên cha mẹ chồng ở và sinh con. Sau khi con được khoảng 05 tháng tuổi thì hai vợ chồng mang con theo lên thành phố tiếp tục đi làm công ty và thuê người giữ con. Vào khoảng tháng 01 năm 2020 hai vợ chồng trở về quê nghỉ và sống cùng cha mẹ chồng, đến ngày tháng 7 năm 2020 thì nhờ cha mẹ chồng chăm sóc cháu Đ giúp và gửi tiền về lo

cho con. Khoản thời gian hai vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng là lúc sống ở thành phố; nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi trong sinh hoạt gia đình, anh S không lo làm ăn, thích chơi cờ bạc, anh S thường xuyên đi uống rượu, về đến nhà thì kiểm chuyện chửi mắng chị. Ngoài ra, do điều kiện công việc có khi làm tăng ca thêm giờ nên khi về đến nhà thì rất mệt, anh S đòi hỏi chuyện sinh hoạt vợ chồng, nếu chị không đáp ứng thì anh S kiểm chuyện chửi mắng chị, thậm chí anh S còn nhiều lần đánh đập chị. Chính vì vậy mà cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị cũng đã nhiều lần khuyên bảo, nhường nhịn anh S để gìn giữ hạnh phúc gia đình và cùng nhau lo cho con nhưng anh S vẫn tính nào tât ấy, không chịu thay đổi. Vì vậy, mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng nghiêm trọng nên cả hai đã không còn sống chung nhau từ tháng 10 năm 2020 đến nay. Nay chị L xét thấy không còn tình cảm với anh S nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị L yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

Về con chung: Chị L yêu cầu nuôi con tên Nguyễn Minh Đ và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Minh S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai của anh S trình bày như sau: Anh S thống nhất với lời trình bày của chị L về thời điểm chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung và diễn biến thời gian chung sống là hoàn toàn đúng thực tế. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi, không hợp nhau; thời gian sau anh cảm nhận được vợ có nhiều thay đổi về tâm tính, anh có tâm sự suy nghĩ của mình nhưng vợ không tiếp thu; hay kể chuyện riêng trong gia đình cho người khác nghe, đi làm về thì kiểm chuyện gây cãi với chồng. Do không kiềm chế được nên anh đã tát tay vào mặt vợ một lần. Sau lần đánh đó vợ giận nên đã thuê nhà trọ ở riêng, anh không biết địa chỉ nhà trọ nên đã tìm đến công ty của vợ làm để năn nỉ vợ trở về chung sống nhưng vợ không chịu về; thậm chí còn cấm anh đến công ty tìm và còn đe dọa nếu anh còn đến tìm nữa sẽ có người đánh anh. Đến tháng 10 năm 2020 thì ly thân nhau, anh cố gắng làm đủ ngày để lãnh lương rồi nghỉ làm và trở về quê sống cùng con và cha mẹ ruột. Ở quê ban ngày anh đi làm thuê nên nhờ cha mẹ ruột chăm sóc con giúp, chiều hết giờ làm thì về lo cho con. Nay chị L xin ly hôn nên anh có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Anh không đồng ý ly hôn, vì còn thương vợ nên xin được đoàn tụ.

Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh yêu cầu như sau:

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh S khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với đương sự từ khi thụ lý vụ án các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Chị L và anh S chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, chị L và anh S bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi, không còn quan tâm nhau nên không thể hàn gắn vì hai bên không thể hòa giải được. Do đó, nếu kéo dài mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Do đó, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L; cho chị L được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh S đều có yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019, còn nhỏ, tính đến ngày 14/3/2021 mới được 02 tuổi nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, chị L đã chứng minh được có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con cả về vật chất (mức lương ổn định để chi phí ăn, ở sinh hoạt..), lẫn tinh thần (được nghỉ ngày chủ nhật hàng tuần, buổi tối được chăm sóc và giáo dục con; khi con ốm đau có thời gian nghỉ phép để chăm con chu đáo). Đối với anh S có yêu cầu nuôi con, xét thấy anh S có thu nhập không ổn định (làm thuê, ai thuê gì làm nấy), cháu Đ chủ yếu do ông bà nội chăm sóc giúp. Do đó, giao con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Về tài sản chung: không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L và anh S tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 28; 35; 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh S là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh S có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh S là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị L và anh S chung sống với nhau vào năm 2016, có đăng ký kết hôn phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án chị L và anh S cùng thừa nhận do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không nhường nhịn nhau, không hòa hợp trong sinh hoạt vợ chồng dẫn đến thường xuyên cự cãi, thậm chí có xảy ra bạo lực gia đình. Tòa án cũng tiến hành xác minh đối với người thân hai bên gia đình anh S và chị L cũng xác định nguyên nhân mâu thuẫn

như chị L và anh S khai là đúng. Biết được sự việc mâu thuẫn giữa chị L và anh S nên người thân của anh chị cũng thuyết phục động viên cho anh chị nhường nhịn nhau và cùng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải động viên cho chị L và anh S đoàn tụ lại với nhau và cùng nhau chung sống; tuy anh S xin được đoàn tụ nhưng chị L vẫn cương quyết ly hôn vì không thể bỏ qua được những lỗi lầm do anh S gây ra cho chị trong thời gian chung sống. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, kéo dài cuộc hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị L và anh S đều có yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019. Tuy hiện nay cháu Đ đang sống cùng anh S nhưng tính đến ngày xét xử cháu Đ chưa tròn 03 tuổi. Mặc dù, cháu Đ hiện tại sống cùng cha nhưng cũng chỉ từ khi ly thân từ tháng 10/2020 cho đến nay, trong khoảng thời gian ly thân thì chị L vẫn quan tâm, chăm sóc con, gửi chi phí lo cho con, điều này được ông bà nội của cháu Đ là người chăm sóc cháu Đ giúp cho chị L và anh S thừa nhận. Xét về điều kiện kinh tế thì cả chị L và anh S đều đi làm thuê nhưng chị L thu nhập ổn định hơn anh S, cụ thể chị L đã chứng minh được bằng mức lương cụ thể mỗi tháng thu nhập là 10.000.000 đồng và có xác nhận của công ty, làm việc có hợp đồng lao động rõ ràng; còn anh S thì làm nghề tự do, việc làm không ổn định. Ngoài điều kiện về vật chất, thì chị L có đủ điều kiện để sắp xếp thời gian lao động ổn định và thời gian nghỉ ngơi để cho con được bình thường. Căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con ...”. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019 cho chị L được quyền nuôi dưỡng thì vẫn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh S.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Mặc dù chị L đã được Hội đồng xét xử giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình nhưng chị L vẫn không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị L, anh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L, anh S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 36, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị Tuyết L; cho chị Trương Thị Tuyết L được ly hôn với anh Nguyễn Minh S.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị Trương Thị Tuyết L. Không chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh Nguyễn Minh S. Buộc anh S Giao cháu Nguyễn Minh Đ, sinh ngày 14/3/2019 cho chị Trương Thị Tuyết L được quyền nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trương Thị Tuyết L không yêu cầu anh Nguyễn Minh S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về tài sản chung: Chị Trương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh S không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trương Thị Tuyết L và anh Nguyễn Minh S khai không có nên nên khanh xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Trương Thị Tuyết L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003780 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Trương Thị Tuyết L đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cầu Kè;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- CCTHADS huyện Cầu Kè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai